

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 27-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện

Bà Lưu Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 06-6-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 12-6-2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Xuân H, sinh ngày 27-6-1996 tại H2 Phòng. Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã T, Huyện K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, Huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân N và bà Trần Thị T; chưa có vợ, con; tiền án: Án số 05 ngày 18-3-2015, Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28-7-2017 đến ngày 04-8-2017 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đào Xuân Ha, sinh ngày 15-11-1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, Huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân Th và bà Hoàng Thị V; có vợ là Nguyễn Thị H; có ba con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Án số 37 ngày 09-7-2013, Tòa án nhân dân Huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không bị bắt tạm giữ từ ngày 06-3-2018 đến ngày 08-3-2018 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Đỗ Văn T, sinh ngày 25-02-1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D và bà Phạm Thị B; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28-7-2017 đến ngày 04-8-2017 cHuẩn tạm giam; có mặt.

4. Bùi Đức K, sinh ngày 01-12-1985 tại H2 Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Anh Đ và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 06-3-2018 đến ngày 09-3-2018 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân H:* Ông Đồng Duyên Th - Luật sư Công ty luật D thuộc đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Hoàng Văn D, sinh ngày 22-12-2001 và người đại diện hợp pháp là ông Hoàng Văn M, sinh năm 1969 (là bố đẻ của anh D); nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, Huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn Th; vắng mặt.
2. Anh Phạm Tiến D; vắng mặt.
3. Anh Phạm Văn L; vắng mặt.
4. Anh Bùi Văn Hu; vắng mặt.
5. Anh Nguyễn Đình H2; vắng mặt.
6. Anh Phạm Đình T2; vắng mặt.
7. Chị Đình Thị Như P; vắng mặt.
8. Chị Nguyễn Minh H3; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ 50 phút ngày 26-7-2017, Công an quận Đồ Sơn tiến hành kiểm tra hành chính nhà ông Đỗ Văn D2 (sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải phòng) phát hiện tại phòng ngủ tầng một có 02 người, gồm: Phạm Xuân H và Đình Thị Như P cùng một bộ dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy đá. Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ông D2, Công an quận Đồ Sơn thu giữ tại phòng ngủ tầng một: 02 vỏ chai nhựa bên trong có dung dịch lỏng trong suốt (mẫu số 1); 01 hộp màu xanh tím trên mặt bàn, bên trong hộp có chứa:

55 túi nhỏ nylon trong đó có 01 túi bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (mẫu số 2); 01 túi da màu đen dưới nền nhà bên trong túi có 04 túi nylon to, bên trong các túi nylon có chứa 493 túi nhỏ nylon; 01 hộp sắt trong tủ quần áo bên trong có 04 túi nylon chứa tinh thể rắn màu trắng (mẫu số 3); 02 túi nylon trên giường bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng (mẫu số 4); 01 cân điện tử và 03 ống thủy tinh và một số vật chứng khác có liên quan, mở rộng điều tra làm rõ:

Khoảng cuối tháng 6, đầu tháng 7-2017, H và Hoàng Văn D đang chơi điện tử ở quán internet (xã Tân Phong, Kiến Thụy) thì gặp Đỗ Văn T, H biết T từ trước nên có đặt vấn đề với T cho H về nhà T ở thì T đồng ý, Văn D nghe vậy thì đi theo H đến ở nhà T. Khoảng ba đến bốn ngày sau, T về nhà thì H bảo với T *“bạn về đây ở với tớ làm đồ”* thì T hiểu là T về nhà mình ở với H để bán ma túy cho H. Sau đó, H bàn với T đi mua ma túy của Đào Xuân Ha về bán kiếm lời để tiếp tục mua ma túy sử dụng và dùng cho việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày của H, T và Văn D thì T đồng ý. Sau đó H, T, Văn D có mượn xe máy SIRIUS của Nguyễn Minh H3 để T chở H và Văn D đến nhà Ha. Tại nhà Ha, cả ba thấy có Ha và Bùi Đức K đang ở trong nhà. H nói *“anh còn đồ không thì để cho em”*, T nói *“anh còn đồ không để em thử”* thì Ha bảo *“bây giờ ở đây không còn, còn một ít để thử thôi, đưa tiền anh đi lấy khoảng 9 giờ tối có anh mang xuống nhà cho”* rồi Ha lấy một ít ma túy cho vào trong công thủy tinh để H và T dùng. Sau khi sử dụng xong, T nói *“hàng dùng được”* thì H đưa ví tiền của H cho T, T đếm đưa cho Ha 3.400.000 đồng rồi T, H, Văn D đi về nhà T. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Ha và K đến nhà T thì được Văn D dẫn cả hai lên tầng hai chỗ H và T đang chờ. Tại đây, Ha để dưới nền nhà một túi nhỏ ma túy đá, H lấy một ít ma túy đá cho vào trong công để H, T, Ha, K và Văn D sử dụng, số còn lại H mang cất đi.

Để tiếp tục có ma túy đá sử dụng và bán, khoảng chiều ngày 19-7-2017, H gọi điện thoại cho Ha để mua 3.500.000 đồng ma túy. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Ha và K đến nhà T rồi lên tầng hai gặp T và H. Tại đây, Ha có đưa cho H một túi nhỏ ma túy đá, H cầm rồi lấy một ít cho vào công thủy tinh để T, H, Ha, K cùng sử dụng. Sau khi sử dụng xong, H đưa cho Ha 3.500.000 đồng.

Khi hết ma túy để bán và sử dụng thì H tiếp tục liên lạc với Ha để hỏi mua, Ha đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 22-7-2017, Ha gọi điện thoại di động cho H (do Văn D đang cầm máy nên Văn D đưa cho T nghe), Ha nói *“bây giờ anh bắt đầu ở H2 Phòng về, bảo H anh cầm đồ về, lấy được đồ rồi”*. Sau đó T xuống tầng một gọi H dậy và nói *“anh Ha vừa điện thoại cho mày, bây giờ anh ấy cầm đồ về”*. Khoảng 30 phút sau thì Ha và Phạm Đình T2 đến nhà T thì được Văn D dẫn Ha và T2 lên tầng hai. Tại đây, Ha bỏ ra hai túi nhỏ ma túy đá để xuống nền nhà rồi lấy một túi xúc một ít cho vào công thủy tinh của H để cho T, H, T2 cùng sử dụng. Khi sử dụng ma túy xong thì H đưa cho Ha số tiền là 3.500.000 đồng để lấy một túi nhỏ ma túy đá.

Tại cơ quan điều tra, Văn D thừa nhận, do có mối quan hệ quen biết với H nên đã tự nguyện tham gia bán ma túy cho H để được chi tiêu sinh hoạt chung mà không phải mất tiền.

Từ nguồn ma túy đá mua được của Ha, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6 đến ngày 26-7-2017, H, T và Văn D đã 17 lần bán ma túy đá cho nhiều người, cụ thể như sau:

Bán ma túy cho Bùi Văn Hu 03 lần: Lần 1 vào khoảng 23 giờ ngày 22-7-2017, Hu gọi điện cho H hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì H đồng ý, H đưa 01 túi ma túy đá cho T và bảo “Lên đầu dốc đưa cho Hu, cầm về ba trăm nghìn”. T cầm túi ma túy ra đầu dốc nhà T ở mặt đường 403 thì gặp Hu, Hu đưa cho T số tiền là 300.000 đồng, T cầm tiền rồi đưa lại cho Hu một túi nhỏ ma túy đá. Số tiền bán ma túy T đưa cho H. Lần 2 vào buổi sáng ngày 17-6-2017, Hu gọi điện cho H hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá thì H đồng ý và bảo “em đến cánh đồng đi, có người cầm đến cho em” và H gửi số điện thoại của Văn D cho Hu. Hu điều K xe máy đến khu vực cánh đồng xã Đại Hợp, Kiến Thụy, tại đó, Văn D bán cho Hu một túi ma túy đá rồi nhận 200.000 đồng đưa cho H. Lần 3 vào buổi chiều ngày 25-6-2017, Hu tiếp tục gọi điện thoại cho H hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá thì H bảo Hu gọi điện thoại cho Văn D. Sau đó Văn D gặp Hu ở cánh đồng xã Đại Hợp bán cho Hu một túi ma túy đá rồi nhận 200.000 đồng đưa cho H.

Bán ma túy cho Nguyễn Đình H2 02 lần: Lần 1 vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01-7-2017, H2 gọi điện thoại cho H nói “có đồ không để tôi ba trăm” nghĩa là H2 muốn mua của H 300.000 đồng ma túy đá thì H trả lời “ừ lên đi”. Sau đó, H2 đến nhà T và được H xúc cho một ít ma túy đá vào cống cho H2 dùng, sau đó H2 đưa cho H 300.000 đồng và H đưa cho H2 một túi nhỏ ma túy đá. Lần 2 vào khoảng 09 giờ ngày 10-7-2017, H2 gọi điện thoại cho H, lúc này Văn D đang cầm điện thoại di động của H nên nghe máy thì H2 nói “để cho sáu trăm”. Sau đó Văn D nói với H “có người gọi điện đến mua hàng”, H cầm điện thoại xem số người đã gọi rồi H lấy 01 túi ma túy đá đưa cho Văn D cầm đưa cho H2 trước cửa nhà T, đồng thời H2 đưa lại cho Văn D số tiền 600.000 đồng, số tiền này Văn D đưa lại cho H.

Bán ma túy cho Phạm Tiến D 01 lần: Vào khoảng 13 giờ ngày 26-7-2017, Văn D và H, T đang ngồi ở nhà T thì H nhận được cuộc điện thoại của Tiến D. Sau đó H đưa cho Văn D 01 túi nhỏ nilon ma túy đá và nói “mang ra sông Sàng đưa cho chú D hai trăm ma túy đá”, Văn D cầm túi nhỏ ma túy đá mà H đưa rồi lấy xe máy Nouvo LX của T đi ra khu vực sông Sàng thì gặp Tiến D đang đứng đợi. Tại đây, Văn D đưa cho Tiến D 01 túi nhỏ ma túy đá và nhận 200.000 đồng của Tiến D mang về đưa cho H.

Bán ma túy cho Nguyễn Minh H3 05 lần: Lần 1 vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09-7-2017, H3 gọi điện thoại di động cho T hỏi “còn đồ không, đóng cho em túi hai trăm” thì T đồng ý. Sau đó, H3 đến nhà T thì gặp H và T đang ở phòng ngủ tầng một. Tại đây, H3 đưa cho T 200.000 đồng thì H lấy 01 túi nhỏ ma túy đá đưa cho H3. Lần 2 vào khoảng 13 giờ ngày 13-7-2017, H3 đến chơi nhà T và bảo với T bán cho 300.000 đồng ma túy đá, lúc này H cũng ngồi cùng với T ở phòng ngủ tầng một nên H3 quay sang bảo với H “đóng cho em nhiều tí”. Sau đó H3 đưa cho H số tiền 300.000 đồng, H cầm tiền rồi đưa lại cho H3 01 túi nhỏ ma túy đá. Lần 3 vào khoảng 21 giờ ngày 13-7-2017, H3 gọi điện thoại cho T bảo “đóng cho em hai

túi năm trăm, một túi đóng nhiều nhiều tí”, khi H3 đi đến nhà T và lên tầng hai, H đưa cho H3 02 túi nhỏ ma túy đá, H3 cầm và nói “lát em cầm tiền về sau” rồi đi về, đến ngày hôm sau thì H3 có đưa cho T số tiền 600.000 đồng. Lần 4 vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16-7-2017, H3 gọi điện thoại cho T hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá thì T đồng ý, khi H3 đến nhà T thì thấy H, T, Văn D và P là bạn gái của H đang ngồi ăn cơm ở phòng khách nên H3 ngồi sát chỗ H rồi đưa cho H 200.000 đồng, sau đó H đưa cho H3 01 túi ma túy đá. Lần 5 vào khoảng 13 giờ ngày 25-7-2017, H3 gọi điện cho T hỏi mua 300.000 đồng ma túy, lúc này Văn D đang ngồi cạnh T, nghe T nói lại việc H3 hỏi mua ma túy thì Văn D tự đi vào phòng ngủ lấy một túi ma túy mang ra đầu ngõ đưa cho H3 và lấy 300.000 đồng, số tiền này Văn D cầm về nói với H rồi cùng T mua đồ ăn.

Bán ma túy cho Phạm Văn L 03 lần: Lần 1 vào khoảng 22 giờ ngày 10-7-2017, L đi xe máy đến nhà T gặp H ở tầng hai, tại đây, L nói với H “để tớ cái hai” thì H đưa cho L một túi nhỏ ma túy đá đồng thời L đưa lại cho H số tiền là 200.000 đồng. Lần 2 vào buổi tối ngày 16-7-2017, L đến nhà T để gặp H mua ma túy về sử dụng. L lên tầng hai, thấy T và H đang ngồi ở đệm. Tại đây, L nói với H “để tớ cái ba” thì H đưa cho L một túi nhỏ ma túy đá, đồng thời L đưa lại cho H số tiền 300.000 đồng. Lần 3 vào khoảng 19 giờ ngày 22-7-2017, L đi xe máy đến nhà T gặp H mua ma túy về sử dụng, L vào phòng khách nhà T và nói với H “để tớ cái ba” thì H đi vào phòng ngủ tầng một nhà T lấy một túi ma túy đưa cho T để T đưa cho L rồi nhận 300.000 đồng.

Bán ma túy cho Nguyễn Văn Th 03 lần: Lần 1 vào buổi sáng ngày 15-7-2017, T đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Th hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá thì T đồng ý. Sau đó T bảo H “Th lấy hai trăm” thì H lấy một túi ma túy rồi đưa cho T. Khi Th đến nhà T thì T đưa cho Th một túi nhỏ nilon ma túy đá và nhận của Th 200.000 đồng, số tiền này T cầm đưa cho H. Lần 2 vào khoảng 15 giờ ngày 16-7-2017, Th gọi điện thoại cho T hỏi mua 400.000 đồng ma túy đá thì T đồng ý. Sau đó T nói với H “Th lấy bốn trăm” thì H đưa cho T một túi nhỏ ma túy đá, khoảng 5 phút sau Th đến nhà T, T đưa cho Th túi ma túy và nhận của Th 400.000 đồng rồi đưa lại cho H. Lần 3 vào khoảng 14 giờ ngày 24-7-2017, Th có gọi điện cho T hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá thì T đồng ý. Sau đó T bảo Văn D “Th nó điện lấy hai trăm” thì Văn D xuống phòng ngủ tầng một nói với H “anh H đưa em hai trăm ma túy tí có người lấy”, nghe vậy, H đưa cho Văn D một túi nhỏ nilon ma túy đá, khi Th đến nhà T thì Văn D cầm đưa cho Th và nhận 200.000 đồng đưa cho H.

Tại Cơ quan điều tra, Hu, H2, Tiến D, H3, L và Th đã khai nhận toàn bộ việc mua ma túy của H, T và Văn D. K khai nhận, K biết và chứng kiến việc H, T, Văn D đến nhà Ha để đặt tiền mua ma túy của Ha và 02 lần K đi cùng Ha đến nhà T để Ha giao dịch mua bán ma túy với H và T.

Vật chứng của vụ án:

01 hộp giấy theo niêm phong số 937/PC54 được hoàn lại toàn bộ mẫu số 1 sau khi đã xử lý giám định; 0,5112 gam tinh thể của mẫu số 2; 17,5927 gam tinh thể của mẫu số 3; 412,4962 gam tinh thể của mẫu số 4 và toàn bộ vỏ bao bì của mẫu số 2,3,4.

01 điện thoại Nokia 1280 màu đen thu giữ của Văn D, 01 điện thoại Iphone 4S màu trắng thu giữ của T, 01 điện thoại Iphone 5S màu ghi đen thu giữ của H, 01 điện thoại Viettel thu giữ của Ha, 547 túi nhỏ nilon, 01 cân điện tử, 03 ống thủy tinh, 01 hộp màu xanh tím than, 01 túi dạng da màu đen.

Bản kết luận giám định số 937/KLGĐ ngày 28-7-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu số 01 gửi giám định tìm thấy dấu vết chất ma túy Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng mẫu. Mẫu số 2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7308 gam, là loại Methamphetamine. Mẫu số 3 gửi giám định có khối lượng 20,4847 gam, là đường, không tìm thấy chất ma túy. Mẫu số 4 gửi giám định có khối lượng 470,4328 gam, là đường, không tìm thấy chất ma túy.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 31-5-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố: Các bị cáo H, Ha, T về tội Mua bán trái phép chất ma túy, trong đó H theo điểm b “phạm tội nhiều lần”, điểm e “sử dụng trẻ em vào việc phạm tội”, điểm p “tái phạm nguy hiểm” khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Ha và T theo điểm b “phạm tội nhiều lần” khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo K về tội Không tố giác tội phạm theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, bị cáo H, Ha, T và K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận khối lượng và loại ma túy đúng như Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an thành phố Hải Phòng, vật chứng của vụ án bị Cơ quan điều tra thu giữ đúng như cáo trạng đã nêu; việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của họ phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Với mục đích kiếm lời dùng cho việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và lấy tiền mua ma túy về sử dụng nên trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7-2017 tại tổ dân phố Nghĩa Sơn, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, H và T đã 03 lần mua ma túy đá của Ha hết tổng số tiền là 10.400.000 đồng. Từ nguồn ma túy mua được của Ha, H, T và Văn D đã 17 lần bán ma túy đá cho người khác với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. K biết và chứng kiến việc H, T và Văn D đến nhà Ha để đặt mua ma túy đá của Ha và 02 lần K đi cùng Ha đến nhà T để Ha giao dịch mua bán ma túy với H và T.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, (e, p đối với H) khoản 2 Điều 194; điểm p, khoản 1 (khoản 2 đối với Ha) Điều 46; (điểm g khoản 1 Điều 48 đối với Ha); Điều 20; Điều 53 (đối với H, T) Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Phạm

Xuân H từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù; Đào Xuân Ha từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù; Đỗ Văn T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Bùi Đức K từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Không tố giác tội phạm”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo H, Ha, T.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy theo niêm phong số 937/PC54 được hoàn lại toàn bộ mẫu số 1 sau khi đã xử lý giám định; 0,5112 gam tinh thể của mẫu số 2; 17,5927 gam tinh thể của mẫu số 3; 412,4962 gam tinh thể của mẫu số 4 và toàn bộ vỏ bao bì của mẫu số 2,3,4; 547 túi nhỏ nilon, 01 cân điện tử, 03 ống thủy tinh, 01 hộp màu xanh tím than, 01 túi dạng da màu đen; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen thu giữ của Văn D, 01 điện thoại Iphone 4S màu trắng thu giữ của T, 01 điện thoại Iphone 5S màu ghi đen thu giữ của H, 01 điện thoại Viettel thu giữ của Ha; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo H, 10.400.000 đồng của bị cáo Ha do bán trái phép chất ma túy mà có.

Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc H, Ha, T, K mỗi bị cáo pH2 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo H: Nhất trí với đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H và đồng thời đề nghị xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ông nội bị cáo là người có công với cách mạng theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên, xử bị cáo H từ 7 năm đến 9 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo H, Ha, T và K thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an quận Đồ Sơn; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và về tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Xuân H, Đào Xuân Ha, Đỗ Văn T và Bùi Đức K tại phiên tòa phù hợp các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án. Được chứng minh bằng lời khai của những người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biên bản đối chất, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, biên bản khám xét, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Với mục đích kiếm lời để tiếp tục mua ma túy sử dụng và dùng cho việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày của H, T và Hoàng Văn D nên trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7-2017 tại tổ dân phố Nghĩa Sơn, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, H và T đã 03 lần mua ma túy đá của Ha hết tổng số tiền là 10.400.000 đồng. Từ nguồn ma túy mua được của Ha, H, T và Văn D đã bán ma túy cho Bùi Văn Hu ba lần vào các ngày 17, 25-6, 22-7 được 700.000 đồng, Nguyễn Đình H2 hai lần vào các ngày 01, 10-7 được 900.000 đồng, Phạm Tiến D một lần vào ngày 26-7 được 200.000 đồng, Nguyễn Minh H3 năm lần vào các ngày 09, 13, 16, 25-7 được 1.600.000 đồng, Phạm Văn L ba lần vào các ngày 10, 16, 22-7 được 800.000 đồng, Nguyễn Văn Th ba lần vào các ngày 15, 16, 24-7-2017 được 800.000 đồng. Tổng cộng H, T và Văn D đã 17 lần bán ma túy đá cho các đối tượng nêu trên với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. K biết và chứng kiến việc H, T và Văn D đến nhà Ha để đặt mua ma túy đá của Ha và 02 lần K đi cùng Ha đến nhà T để Ha giao dịch mua bán ma túy với H và T.

[3] Các bị cáo H, Ha, T và K là người có năng lực trách nhiệm hình sự. H, Ha và T nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích kiếm lời. K biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của H, T và Ha là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật mà không tố giác.

[4] Bị cáo Ha 03 lần bán ma túy cho H, T; H, T 17 lần bán ma túy cho người khác là “phạm tội nhiều lần” theo điểm b; H sử dụng Hoàng Văn D, sinh ngày 22-12-2001 (chưa đủ 16 tuổi) vào việc mua bán trái phép chất ma túy là “sử dụng trẻ em vào việc phạm tội” theo điểm e; H có một tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý (Án số 05/2015/HSST ngày 18-3-2015 của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh xử 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản) chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý là “tái phạm nguy hiểm” theo điểm p. Đây là các tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của các bị cáo H, Ha và T đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và

hình phạt được quy định tại điểm b (đối với H, Ha, T), điểm e và p (đối với H) khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội Không tố giác tội phạm, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo H, Ha và T là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Ma túy là chất gây nghiện đặc biệt nguy hiểm, tàn phá sức khỏe của người sử dụng và làm suy giảm giống nòi. Do đó phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn và tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Các bị cáo H, T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo H là người có vai trò chính, khởi xướng, sử dụng địa điểm là nhà của T, cùng với T, Văn D nhiều lần mua ma túy của Ha về sử dụng và bán kiếm lời; H là người trực tiếp bỏ tiền ra mua ma túy về cùng T, Văn D chia nhỏ bán lại cho nhiều người, nhiều lần và thu tiền bán ma túy từ T, Văn D. Bị cáo T với vai trò tích cực, sử dụng địa điểm là nhà của mình cùng với H, Văn D nhiều lần mua ma túy của Ha về sử dụng và bán lại nhiều lần, cho nhiều người. Bị cáo Ha nhiều lần bán ma túy cho H, T, Văn D, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo Ha. Như vậy, bị cáo H là người có vai trò chính, các bị cáo T, Ha phạm tội với vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo H.

[8] Hành vi của bị cáo K xâm phạm đến hoạt động tư pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của H, T và Ha là vi phạm pháp luật mà không tố giác. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn phải đi làm thuê từ sáng sớm đến tối muộn mới về nên bị cáo không biết hành vi không tố giác tội phạm của mình đã bị Cơ quan điều tra khởi tố, việc bị cáo chứng minh mình không bỏ trốn bằng việc có xác nhận tại nơi bị cáo làm việc và chính quyền địa P nơi bị cáo cư trú. Sau khi biết hành vi không tố giác tội phạm của mình bị khởi tố, bị cáo K đã tự nguyện ra đầu thú, thành khẩn khai báo, phối hợp với Cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo Ha, H, T. Bị cáo K nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo K có nơi cư trú và làm việc rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có khả năng tự cải tạo nên cũng cần xem xét, không nhất thiết bắt bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần xử cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, cũng đủ tác dụng, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo H, T và K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Ha có tiền án (Án số

37 ngày 09-7-2013, Tòa án nhân dân Huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản) chưa được xóa án tích (do chưa thi hành 13.000.000 đồng tiền bồi thường), lần phạm tội này là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999. Những tình tiết phạm tội nhiều lần, tái phạm nguy hiểm là yếu tố định khung hình phạt nên các bị cáo H, Ha và T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

[10] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo H, Ha, T và K quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm p; bị cáo K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm h; bị cáo Ha có thời gian phục vụ trong quân đội, bị cáo K đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999. Không chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ông nội bị cáo là người có công với cách mạng theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo H theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo vì tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con liệt sĩ.

[11] *Về hình phạt bổ sung:* Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo H, Ha và T thì các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999.

- *Về xử lý vật chứng:*

[12] 01 hộp giấy theo niêm phong số 937/PC54 được hoàn lại toàn bộ mẫu số 1 sau khi đã xử lý giám định; 0,5112 gam tinh thể của mẫu số 2; 17,5927 gam tinh thể của mẫu số 3; 412,4962 gam tinh thể của mẫu số 4 và toàn bộ vỏ bao bì của mẫu số 2,3,4 là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[13] 547 túi nhỏ nilon, 01 cân điện tử, 03 ống thủy tinh, 01 hộp màu xanh tím than, 01 túi dạng da màu đen là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[14] 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen thu giữ của Văn D; 01 điện thoại Iphone 4S màu trắng thu giữ của T, 01 điện thoại Iphone 5S màu ghi đen thu giữ của H, 01 điện thoại Viettel thu giữ của Ha mà các bị cáo sử dụng liên lạc để trao đổi việc mua bán trái phép chất ma túy là công cụ, P tiện phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

[15] Số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo H và 10.400.000 đồng do bị cáo Ha thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy nên cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Về vấn đề khác:

[16] Đối với Hoàng Văn D, sinh ngày 22/12/2001 đến thời điểm thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì D chưa đủ 16 tuổi. Hành vi cùng H và T mua bán trái phép chất ma túy xảy ra trong thời gian từ cuối tháng 6 đến ngày 26-7-2017 tại tổ dân phố Nghĩa Sơn, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn của Văn D không xác định được tổng trọng lượng chất ma túy của tất cả các lần đã đến mức tối thiểu quy định tại các điểm g, h, i, k, l, m, n hoặc o khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho nên căn cứ Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, Văn D không pH2 chịu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[17] Đối với Đinh Thị Như P chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi không tố giác tội phạm vì chỉ có lời khai của P về việc biết H bán ma túy cho Nguyễn Minh H3 nhưng không phù hợp với lời khai của H, T, Văn D và H3. Hiện tại P không có mặt tại địa P nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[18] Đối với Phạm Đình T2, Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn đã tiến hành triệu tập, xác minh thấy T2 không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[19] Về nguồn gốc ma túy thu giữ trong vụ án: Các bị cáo H và T đều khai nhận mua của bị cáo Ha, Ha khai nhận mua của người đàn ông không quen biết ở đường tàu Mê L, Quận Lê Chân, quá trình điều tra chưa xác định được căn cước lai lịch cụ thể của người bán ma túy cho Ha nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[20] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, e, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Phạm Xuân H 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28-7-2017.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Đào Xuân Ha 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06-3-2018.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Đỗ Văn T 08 (*Tám*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28-7-2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Bùi Đức K 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Không tố giác tội phạm”. Giao bị cáo Bùi Đức K cho Ủy ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy theo niêm phong số 937/PC54 được hoàn lại toàn bộ mẫu số 1 sau khi đã xử lý giám định; 0,5112 gam tinh thể của mẫu số 2; 17,5927 gam tinh thể của mẫu số 3; 412,4962 gam tinh thể của mẫu số 4 và toàn bộ vỏ bao bì của mẫu số 2,3,4; 547 túi nhỏ nylon, 01 cân điện tử, 03 ống thủy tinh, 01 hộp màu xanh tím than, 01 túi dạng da màu đen;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen thu giữ của Văn D; 01 điện thoại Iphone 4S màu trắng thu giữ của T, 01 điện thoại Iphone 5S màu ghi đen thu giữ của H, 01 điện thoại Viettel thu giữ của Ha;

(Theo biên bản bàn giao đồ vật, tài sản bị tạm giữ ngày 01-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố H2 Phòng).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo H, 10.400.000 đồng do bị cáo Ha thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy.

Về lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền bị truy thu: Kể từ ngày bản án có H lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo H, Ha, T, K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo H, Ha, T, K và người bào chữa cho bị cáo H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn D và người đại diện hợp pháp của anh D có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND. quận Đồ Sơn;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT. Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS. Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS. quận Đồ Sơn;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV27, PV21);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

việc bị cáo K trình bày không bỏ trốn,
việc Cơ quan điều tra xác định bị cáo bỏ trốn và ra quyết định truy nã là do bị cáo đi làm tại bãi xe khu 2, Đồ Sơn từ sáng sớm đến tối mới về nhà ...;

Do đó cần pH2 xử phạt bị cáo mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Hoàng Văn D, sinh ngày 22-12-2001 và người đại diện hợp pháp là ông Hoàng Văn Minh, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Hứa, sinh năm 1973 (là bố, mẹ đẻ của anh D); nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, Huyện K, thành phố H2 Phòng;

[15] 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen thu giữ của Văn D: Đây là tài sản của D, không pH2 là công cụ, P tiện dùng vào việc phạm tội cần căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Văn D.

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn D và người đại diện hợp pháp của anh D có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết